

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2022/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của
Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày
11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực
hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của
Chính phủ về Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng cấp nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-
CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ
nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ
Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám
sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;*

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1749/TTr-SXD ngày 12 tháng 8 năm 2022, Văn bản số 2142/SXD-HTKT ngày 29 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Công an tỉnh, Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Tin học tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Tiến



QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Kèm theo Quyết định số 28 /2022/QĐ-UBND ngày 30 /9/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu kinh tế; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Những nội dung không được quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước sạch, các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hệ thống cấp nước

1. Nhà nước thống nhất quản lý về hoạt động cấp nước, có phân cấp, phân công trách nhiệm theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, khách hàng sử dụng nước có xét đến việc hỗ trợ cấp nước cho người nghèo, các khu vực đặc biệt khó khăn.

2. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cấp nước cho mục đích sinh hoạt.

3. Nhà nước có trách nhiệm định hướng phát triển hệ thống cấp nước nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng.

4. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển và bảo vệ hệ thống cấp nước.

5. Việc phát triển hệ thống cấp nước phải thực hiện theo nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh; kế hoạch cấp nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về cấp nước

1. Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước.
2. Bảo đảm an toàn cấp nước, quản lý giá nước sạch.
3. Phân công, phân cấp trong quản lý hoạt động cấp nước.

Điều 4. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước

Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước được quy định tại Điều 10 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

Điều 5. Xác định vùng phục vụ cấp nước

1. Vùng phục vụ cấp nước được quy định tại Điều 32, Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan xác định vùng phục vụ cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và cấp nước sạch nông thôn theo phân cấp trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư hoặc đơn vị cấp nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chấp thuận.

Vùng phục vụ cấp nước được xem xét điều chỉnh phù hợp với quy hoạch, năng lực đơn vị cấp nước và yêu cầu thực tế.

Điều 6. Lựa chọn đơn vị cấp nước và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý (trừ các khu công nghiệp, khu chức năng trong khu Kinh tế), lấy ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã trong vùng cấp nước. Ban Quản lý khu kinh tế tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước trong các khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế, lấy ý kiến của các địa phương trong vùng cấp nước.

2. Đối với địa bàn đã có tổ chức, cá nhân đang thực hiện dịch vụ cấp nước hoặc địa bàn chưa có đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước thì việc lựa chọn đơn vị cấp nước được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị

định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.

3. Việc ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước giữa Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan được ủy quyền với đơn vị cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 7. Đầu tư phát triển, quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống cấp nước.

1. Đơn vị cấp nước lập và trình cơ quan, đơn vị đã ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước với mình phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ của đơn vị. Cơ quan, đơn vị lấy ý kiến Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp trước khi phê duyệt.

Nội dung Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn được quy định tại Điều 33 Nghị định 117/2007/NĐ-CP.

2. Việc chuyển nhượng quyền kinh doanh dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan, đơn vị đã ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước đó.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước phải tuân theo các quy định về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

4. Đối với các khu dân cư hiện trạng đã có đơn vị cấp nước: Đơn vị cấp nước phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã rà soát các khu vực chưa có nước sạch và đầu tư mạng lưới đường ống cấp nước trên cơ sở xác định nhu cầu thực tế của người dân.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Sở Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

6. Quy định về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong các dự án đầu tư xây dựng:

a) Đối với dự án được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được bàn giao, quản lý, sử dụng và khai

thác theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng từ nguồn vốn không phải là ngân sách nhà nước:

Nhà đầu tư khi lập hồ sơ đề xuất dự án đầu tư phải đề xuất sơ bộ phần kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương (đơn vị tiếp nhận).

Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong phạm vi dự án theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và thực hiện các thủ tục thỏa thuận đấu nối vào mạng lưới cấp nước của đơn vị cấp nước (trừ trường hợp được phép tự sản xuất và cung cấp nước sạch).

Đơn vị tiếp nhận thực hiện bàn giao, quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

7. Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư mạng lưới cấp nước trong ranh giới khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm cung cấp nước qua đồng hồ tổng; chất lượng nước, giá nước do chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị cấp nước. Việc quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước đến từng doanh nghiệp trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp do chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

b) Trường hợp chủ đầu tư thỏa thuận giao cho đơn vị cấp nước quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước đến từng doanh nghiệp thì chủ đầu tư và đơn vị cấp nước thống nhất thực hiện và có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để quản lý theo quy định.

8. Việc quản lý chất lượng công trình cấp nước được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định về phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Đấu nối, cấp nước cho khu đô thị, khu nhà ở, khu chung cư, khu đất đấu giá, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ.

Khi lập dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại và dịch vụ các chủ đầu tư có nhu cầu về cấp nước phải có văn bản thỏa thuận về nhu cầu tiêu thụ, cung cấp nước, điểm đấu nối nguồn cấp nước và đồng hồ tổng với Đơn vị cấp nước quản lý địa bàn. Thời gian đơn vị cấp nước có văn bản trả lời trước 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thỏa thuận cấp nước của chủ đầu tư.

Chương III

BẢO ĐẢM AN TOÀN CẤP NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁ NƯỚC

Điều 9. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu về hệ thống cấp nước bao gồm một số thông tin chủ yếu sau:
 - a) Đối với nhà máy nước: Tên đơn vị quản lý; vị trí; công suất; tính chất nguồn nước thô; công nghệ xử lý; quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng nước sau xử lý áp dụng.
 - b) Đối với trạm bơm: Tên đơn vị quản lý, vị trí, công suất, áp lực.
 - c) Đối với mạng lưới đường ống (phạm vi trước đồng hồ đầu nối khách hàng): Tên đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng.
 - d) Dữ liệu cấp nước được cập nhật hàng quý vào hệ thống dữ liệu cấp nước chung.
2. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng, thường xuyên cập nhật và cung cấp bản đồ hiện trạng mạng lưới cấp nước trong phạm vi quản lý cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý khu Kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ hàng năm một lần trước ngày 15/12.
3. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn tỉnh theo phạm vi phân cấp. Ban Quản lý khu kinh tế là cơ quan phối hợp quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn các khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan phối hợp quản lý và tổng hợp dữ liệu cấp nước trên địa bàn mình quản lý.

Điều 10. Quản lý đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ đo nước.
2. Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ đo nước trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của khách hàng sử dụng nước (không tính thời gian xin phép đào đường, vĩa hè hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).
3. Bảo quản đồng hồ đo nước
 - a) Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cấp nước bảo vệ, bảo quản đồng hồ đo nước và các niêm chì.
 - b) Các hành vi tự ý đục phá, xê dịch vị trí, nâng, hạ, sửa chữa, thay đổi cỡ, loại, tự ý tháo gỡ, điều chỉnh, phá hoại đồng hồ đo nước, ăn cắp nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
4. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp mất đồng hồ đo nước, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do hộ sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chỉ niêm phong bị đứt, khách hàng sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chỉ hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí khắc phục, thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

d) Khi khách hàng sử dụng nước báo lỗi, hỏng đồng hồ nước thì đơn vị cấp nước thực hiện việc sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của khách hàng sử dụng nước.

5. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước

a) Đồng hồ đo nước trước khi lắp đặt phải được kiểm định theo quy định hiện hành. Khách hàng sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước không chính xác. Đồng hồ đo nước được tiếp tục sử dụng nếu kết quả kiểm tra, kiểm định đạt yêu cầu đo lường theo quy định về kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải tiến hành kiểm tra đồng hồ đo nước. Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước phải có sự chứng kiến của khách hàng sử dụng nước và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc. Biên bản được lập 02 bản, đơn vị cấp nước giữ 01 bản, khách hàng sử dụng nước giữ 01 bản.

6. Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

a) Trường hợp chỉ số đồng hồ đo nước bị ghi sai lệch dẫn đến việc tính không chính xác lượng nước sử dụng cho khách hàng sử dụng nước, thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho khách hàng sử dụng nước biết lượng nước sai lệch và sẽ điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tiếp theo.

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì những lý do khác mà đơn vị cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo phương pháp trung bình cộng của hóa đơn tiền nước 03 tháng liền kề trước đó; trong vòng một tháng đơn vị cấp nước có trách nhiệm khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ, kể cả việc thay đồng hồ khác.

7. Đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồng hồ đo nước.

8. Trường hợp khách hàng sử dụng nước không nhất trí với kết quả kiểm định của đơn vị cấp nước thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5, Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước

1. Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (trừ phần thuộc phạm vi của hộ sử dụng nước) được thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng các công trình theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí di dời nằm trong tổng mức đầu tư của dự án (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

b) Di dời theo yêu cầu của hộ khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do hộ sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

2. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

a) Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên địa bàn phục vụ.

b) Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 12. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước

Đơn vị cấp nước được giao nhiệm vụ quản lý hệ thống cấp nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức xử lý sự cố đối với hệ thống cấp nước (đường ống, trạm bơm tăng áp, trạm clo, công trình xử lý nước, chất lượng nước,...) theo nguyên tắc, nội dung, trình tự sau đây:

1. Nguyên tắc

a) Báo cáo sự cố và phối hợp giải quyết sự cố đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng trình tự quy định.

b) Khẩn trương, kịp thời khắc phục sự cố và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra do sự cố.

c) Đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ nguyên nhân sự cố để xử lý dứt điểm sự cố và xác định đối tượng chịu trách nhiệm (nếu có).

2. Báo cáo sự cố (chỉ báo cáo đối với các sự cố gây ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp)

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, bằng phương pháp nhanh nhất (điện thoại trực tiếp), đơn vị cấp nước phải báo cáo tóm tắt về sự cố (địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố, tình hình

thiệt hại, đánh giá sơ bộ nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục) đến Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý theo phân cấp để chỉ đạo kịp thời.

b) Trong vòng 05 giờ kể từ khi phát hiện xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước, đơn vị cấp nước phải báo cáo về sự cố bằng văn bản với các thông tin nêu trên gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý theo phân cấp.

3. Giải quyết sự cố

a) Báo cáo tóm tắt về sự cố theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này ngay sau khi xảy ra sự cố.

b) Chủ động phối hợp với địa phương (huyện, thành phố, thị xã; phường, xã) nơi xảy ra sự cố: Chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết và lập hồ sơ sự cố; Lập biên bản kiểm tra hiện trường sự cố với các nội dung: địa điểm, thời điểm xảy ra sự cố, mô tả sơ bộ và diễn biến sự cố; sơ bộ về tình hình thiệt hại; sơ bộ về nguyên nhân sự cố.

c) Khẩn trương huy động con người, thiết bị thực hiện các biện pháp kịp thời để bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do sự cố.

4. Xử lý thiệt hại do sự cố hệ thống cấp nước

Các tổ chức, cá nhân gây ra sự cố phải chịu trách nhiệm về thiệt hại hệ thống cấp nước do sự cố gây ra. Việc xác định mức độ thiệt hại phải đảm bảo tính chính xác và đầy đủ.

Điều 13. Giá nước sạch

Giá nước sạch quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

Điều 14. Thông tin, báo cáo

1. Báo cáo thường xuyên: Các đơn vị cấp nước thực hiện báo cáo thường xuyên 1 quý/lần đối với các nội dung kết quả nội kiểm, ngoại kiểm chất lượng nước kết quả gửi về Trung tâm y tế huyện, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh để theo dõi (thời gian là ngày 23 hàng tháng). Biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

2. Báo cáo định kỳ: Các đơn vị cấp nước báo cáo định kỳ 1 lần/năm đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, kết quả thanh, kiểm tra (nếu có) trong năm và các yêu cầu báo cáo chuyên ngành được quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP gửi về các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý (thời gian vào ngày 15/12 của năm báo cáo).

3. Báo cáo đột xuất: khi xảy ra các sự cố trong sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Chương IV

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 15. Tổ chức và phân cấp quản lý hoạt động cấp nước sạch

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh ở khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh ở khu vực nông thôn.

3. Ban Quản lý khu kinh tế phối hợp quản lý hệ thống cấp nước và tổ chức quản lý cấp nước trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế do đơn vị quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn do mình quản lý; tổ chức quản lý mạng lưới cấp nước theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế trên cơ sở nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao kết cấu tài sản hạ tầng cấp nước sạch đô thị trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP;

c) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh;

d) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn khu vực đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế; Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ Xây dựng về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

đ) Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước, chất lượng nước sạch sinh hoạt tại đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế;

e) Tham gia ý kiến về Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị cấp nước theo phân cấp quản lý;

g) Là cơ quan thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Quảng Trị;

h) Phối hợp với các đơn vị cung cấp nước xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;

i) Lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị, khu kinh tế trừ các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP;

k) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá bán nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp theo khung giá quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

l) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các công trình cấp nước và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch tại đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế;

m) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh :

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn theo nội dung quy hoạch cấp nước trong quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn;

- Triển khai kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn;

- Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao kết cấu tài sản hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Quy định này;

c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện cấp nước an toàn khu vực nông thôn hàng năm, trung hạn và dài hạn; Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế đảm bảo an toàn cấp nước khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước trên địa bàn nông thôn;

đ) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục các công trình cấp nước sạch và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn nông thôn;

e) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn về Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Quy định này;

h) Tham gia ý kiến về Kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước của đơn vị cấp nước theo phân cấp quản lý;

i) Phối hợp Sở Tài chính thẩm định phương án giá nước sạch nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá nước sạch do các Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nước sạch xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức kiểm tra về thực hiện Quyết định Giá nước sạch trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án cấp bù giá nước từ ngân sách tỉnh trong trường hợp cần thiết;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu tư sử dụng nước, mua nước sạch;

d) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

đ) Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án cấp nước khi thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định;

b) Tham mưu bố trí kế hoạch vốn để thực hiện đầu tư các dự án xây dựng công trình cấp nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung.

5. Sở Y tế

a) Chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sinh hoạt;

b) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế; khi kiểm tra phải lấy mẫu nước tại các hộ dân; kết quả kiểm tra gửi các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi, giám sát;

d) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện các chức năng về quản lý nguồn nước, đảm bảo nguồn nước thô sử dụng cho mục đích sinh hoạt không bị ô nhiễm;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh. Hạn chế cấp phép thăm dò, khai thác nước cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khai thác sử dụng dưới đất tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng;

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước;

đ) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép môi trường theo quy định, trong đó cần xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với những dự án

có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

7. Công an tỉnh

a) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị cấp nước tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị cấp nước quản lý hệ thống các họng cứu hỏa, khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy, thanh toán lượng nước sử dụng thực tế cho đơn vị cấp nước.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra về đo lường đối với đồng hồ đo nước lắp đặt vào hệ thống cấp nước;

b) Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của Nhà nước về đo lường; kiểm tra định kỳ hoạt động đo lường tại các đơn vị cấp nước.

9. Sở Giao thông vận tải:

Thực hiện việc thỏa thuận thiết kế, cấp phép thi công cho các đơn vị cấp nước và các cá nhân thi công đường ống trong hành lang kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy theo quy định.

10. Ban Quản lý Khu kinh tế:

a) Chỉ đạo các đơn vị cấp nước sạch khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế phải đảm bảo cấp nước an toàn cho các doanh nghiệp, các đối tượng khác có liên quan trong phạm vi cấp nước;

b) Tổ chức quản lý hệ thống cấp nước thuộc phạm vi do đơn vị quản lý;

c) Lựa chọn đơn vị cấp nước để phục vụ nhu cầu cấp nước trong phạm vi Khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế;

d) Báo cáo các nội dung liên quan về quản lý cấp nước khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, vận động khách hàng sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước.

2. Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước.

3. Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ với các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn; giám sát hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký.

4. Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố phê duyệt kế hoạch cấp nước hàng năm và dài hạn trên địa bàn quản lý. Trước khi phê duyệt kế hoạch cấp nước phải lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp.

5. Chủ trì kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về cấp nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định, trong đó cần xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với những dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

7. Báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và thực trạng quản lý, khai thác công trình Nước sạch về Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân công quản lý nhà nước chuyên ngành đối với các công trình do mình quản lý.

8. Phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo dưỡng, cải tạo và phát triển hệ thống cấp nước tập trung do đơn vị quản lý.

2. Phát triển hoạt động cấp nước bền vững trên cơ sở khai thác tối đa mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng bảo đảm, dịch vụ văn minh, hiệu quả cho người dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Lập Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ký kết theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy định này.

4. Lập và trình cơ quan, đơn vị phê duyệt kế hoạch cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ cấp nước theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

5. Lập Kế hoạch cấp nước an toàn gửi Sở Xây dựng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước trong phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

6. Phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Bảo đảm nguồn nước cung cấp liên tục và đúng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh cho nhu cầu sử dụng của khách hàng (trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp có sự cố dẫn đến cung cấp không đảm bảo thì đơn vị cấp nước phải

khắc phục kịp thời, bồi thường thiệt hại cho khách hàng (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe khách hàng.

8. Ký hợp đồng và tiến hành đầu nối vào mạng lưới cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý.

9. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan bảo vệ sự an toàn nguồn nước, các công trình cấp nước và các khu vực hành lang an toàn cấp nước nằm trong vùng phục vụ cấp nước do đơn vị quản lý.

10. Kiểm tra định kỳ và báo cáo kết quả xét nghiệm mẫu nước về Trung tâm y tế huyện, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, trong trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý khẩn cấp.

11. Tham gia ý kiến vào quy hoạch liên quan đến cấp nước trên địa bàn tỉnh.

12. Lập phương án giá nước, điều chỉnh giá nước theo từng vùng phục vụ cấp nước đã được xác định và từng giai đoạn, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

13. Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do nhà nước giao theo đúng quy định tại Nghị định 43/2022/NĐ-CP.

14. Tiếp nhận và quản lý tài sản liên quan đến việc cấp nước do chủ đầu tư các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngoài ngân sách khi có yêu cầu.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.